

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/08/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Lệ
Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2026/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt ngày 24/6/2026).

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/05/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2009 chị L và anh Ú tự nguyện chung sống có tổ chức đám cưới được cha mẹ hai bên thừa nhận, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi dẫn đến ly thân từ tháng 03/2026 cho đến nay, chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ú.

Về con chung: Chị L và anh Ú có 02 con chung tên Nguyễn Văn D sinh ngày 10/04/2009 và Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 08/12/2012, hai con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Ú cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Ú đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Ú được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2009 tại UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng cứ cải dần đến ly thân từ tháng 03 năm 2026 cho đến nay. Anh Ú không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử theo thủ tục chung. Xét thấy chị L và anh Ú đã ly thân một thời gian, chứng cứ chị L cung cấp cho Tòa án để yêu cầu ly hôn với anh Ú là chưa thuyết phục. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Ú là chưa trầm trọng, đời sống chung có thể đạt được, để tạo điều kiện cho anh Ú có thời gian suy nghĩ về hôn nhân nên không chấp nhận yêu cầu của chị L ly hôn với anh Ú. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L nên về con chung của vợ chồng Hội đồng không xét xử xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Văn Ú. Do không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú nên về con chung của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Ú Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010348 ngày 28 tháng 05 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Nguyễn Thị L đã nộp xong.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung

